| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 1 – HUẾ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: **593**/2026/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Huế, ngày 04 tháng 9 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 647/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Ông Phan Đình H**, sinh năm 1963; căn cước công dân số: 046063005657, cấp ngày 21/9/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: D Khu Q, phường T, thành phố Huế.

2. **Bà Lê Thị Minh T**, sinh năm 1973; căn cước công dân số: 046173004432, cấp ngày 21/9/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: D Khu Q, phường T, thành phố Huế.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Đình H và bà Lê Thị Minh T đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là xã Đ, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/1997 nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống không hạnh phúc và thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng có tính tình không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ông H và bà T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông H và bà T đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà T không thể hàn gắn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Phan Đình H và bà Lê Thị Minh T.

[2] Về con chung: Ông H và bà T xác nhận có 01 con chung là Phan Anh K, sinh ngày 15/01/2001. Con chung đã trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, thỏa thuận của ông H và bà T là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông H và bà T xác nhận không có.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Đình H và bà Lê Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000513 ngày 12/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Đình H và bà Lê Thị Minh T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông H và bà T xác nhận có 01 con chung là Phan Anh K, sinh ngày 15/01/2001. Con chung đã trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông Phan Đình H và bà Lê Thị Minh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông Phan Đình H và bà Lê Thị Minh T xác nhận không có.

**2**. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Đình H và bà Lê Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000513 ngày 12/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- TAND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Đan Điền
(ĐKKH số 6 ngày 09/01/1997 tại UBND xã Quảng Vinh cũ);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Quang Bình**